TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 264/2020/QĐST- HNGĐ	*TH, ngày 01 tháng 06 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 254/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 04 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Viết T, sinh năm 1982

Trú tại: Tổ 09, phường Thịnh Đán, TP TH, tỉnh TH

Bị đơn: Chị Vì Thị N, sinh năm 1985

Trú tại: Tổ 09, phường Thịnh Đán, TP TH, tỉnh TH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 51; 54; 55; 57; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, 468; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2020

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 05 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa **:** Anh Phạm Viết T và chị Vì Thị N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Viết T và chị Vì Thị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh T và chị N thỏa thuận : Anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Viết Th, sinh ngày 01/04/2010; chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Thị Thu A sinh ngày 03/7/2008 cho đến khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi)

hoặc có sự thay đổi khác. Đôi bên có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- **Về cấp dưỡng nuôi con**: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết
- **Về tài sản chung và số nợ:** Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.
- **Về án phí**: Anh T tự nguyện nộp 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn trả anh T 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0002923 ngày 28/04/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP TN;
- THADS TPTN;
- UBND phường ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Anh Thư

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường ;
- Lưu hồ sơ vụ án.